

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DSST
Ngày 02/01/2020
V/v: “Tranh chấp
HĐ mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Trứ
2. Ông Nguyễn Xuân Trường

- T ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:

Ông Ong Văn Chúc - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2019/TLST-DS ngày 09/7/2019 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112A/2019/QĐXXST-DS ngày 08/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn Lương Phúc, xã Việt Long, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Ngô Văn Th, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn Giáp Ngũ, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt);

1.3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Tho, sinh năm 1964 (là vợ và cùng địa chỉ với ông T, ủy quyền cho ông T đại diện).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 19/11/2018, bản tự khai ngày 09/7/2019, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày: Gia đình ông có cửa hàng kinh doanh cám chăn nuôi. Từ tháng 11/2011, ông Th bắt đầu mua cám của vợ chồng ông về chăn nuôi. Tính đến ngày 19/5/2013, ông Th mua của ông với tổng số tiền hàng là 53.570.000đ. Trong quá trình mua bán, hai bên có ký kết hợp đồng vào ngày 01/01/2012, với nội dung thỏa thuận về giá cả, phương thức thanh toán là trả

chậm, khi bán hết lúa gà sẽ thanh toán trả đầy đủ nhưng không quá 4 tháng (120 ngày). Nếu quá 4 tháng không trả thì ông Th phải chịu lãi theo Ngân hàng Nhà nước. Ngày 29/9/2013, hai bên chốt nợ với nhau, ông Th còn nợ vợ chồng ông số tiền hàng là 19.570.000đ. Từ đó đến nay, mặc dù ông đòi nhiều lần nhưng ông Th không trả, khát hết lần này đến lần khác. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu ông Th phải trả cho vợ chồng ông số tiền hàng còn nợ là 19.570.000đ và tiền lãi của số tiền này là 9.430.000đ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/8/2019, bị đơn là ông Ngô Văn Th thừa nhận việc mua hàng (cám) chậm trả của vợ chồng ông T, đồng thời thừa nhận việc chốt số tiền mà ông còn nợ vợ chồng ông T tính đến tháng 9/2013 là 19.570.000đ. Do làm ăn thua lỗ nên đến nay ông chưa có tiền để trả. Nay ông đồng ý trả số nợ trên nhưng đề nghị được trả dần và không chấp nhận trả lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T sửa đổi yêu cầu khởi kiện, ông tự nguyện chỉ yêu cầu ông Th trả số nợ gốc (tiền hàng còn nợ) là 19.570.000đ do ông Th có khó khăn về kinh tế, ông không yêu cầu trả lãi của số tiền này tính đến ngày xét xử. Bị đơn là ông Ngô Văn Th vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên Tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có thức chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Ngô Văn Th phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T số tiền mua hàng còn nợ là 19.570.000đ; Buộc ông Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Mặc dù bị đơn là ông Ngô Văn Th, người có quyền lợi liên quan là bà Nguyễn Thị Tho vắng mặt nhưng ông Th đã được triệu tập hợp lần thứ 2, bà Tho đã có văn bản ủy quyền cho ông T đại diện có mặt nên cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Th, bà Tho.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Thông hợp đồng mua bán do đôi bên ký kết và sự thừa nhận của đôi bên, có đủ cơ sở xác định Từ tháng 11/2011, ông Th bắt đầu mua cám của vợ chồng ông T về chăn nuôi. Tính đến ngày 19/5/2013, ông Th mua của vợ chồng ông T với tổng số tiền hàng là 53.570.000đ. Trong quá trình mua bán, hai bên có ký kết hợp đồng vào ngày 01/01/2012, với nội dung thỏa thuận về giá cả, phương thức thanh toán là trả chậm, khi bán hết lúa gà sẽ thanh toán trả đầy đủ nhưng không quá 4 tháng (120 ngày). Nếu quá 4 tháng không trả thì ông Th phải chịu lãi theo Ngân hàng Nhà nước. Ngày 29/9/2013, hai bên chốt nợ với nhau, ông Th còn nợ vợ chồng ông số tiền hàng là 19.570.000đ. Từ đó đến nay, mặc dù ông T đòi nhiều lần

nhưng ông Th không trả. Như vậy, việc ông Th không thực hiện đúng cam kết, không trả tiền cho vợ chồng ông T là vi phạm nghĩa vụ của bên mua, làm phát sinh nghĩa vụ dân sự đối với vợ chồng ông T. Vì vậy, việc ông T khởi kiện yêu cầu ông Th phải trả số tiền hàng còn nợ 19.570.000đ là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại các Điều 281, 305, 438 của Bộ luật dân sự (năm 2005).

Về lãi suất, ban đầu ông T yêu cầu ông Th phải chịu lãi suất chậm trả theo thỏa thuận, tuy nhiên, tại phiên tòa, ông T thay đổi yêu cầu, tự nguyện không yêu cầu ông Th phải trả lãi suất kể từ thời điểm chậm trả đến ngày xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu của ông T là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên cần được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về án phí: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận, mặt khác, ông Th không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên ông Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 281, 305, 438 của Bộ luật dân sự (năm 2005); Điều 18, 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, buộc ông Ngô Văn Th phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T – bà Nguyễn Thị Tho số tiền mua cám chăn nuôi còn nợ là 19.570.000đ (mười chín triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Án phí: Ông Ngô Văn Th phải nộp 978.500đ (chín trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 725.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000334 ngày 09/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Hiệp Hoà
- Chi cục THA DS Hiệp Hoà
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Mạnh hà